

Số: 722/TTr-CP

Hà Nội, ngày 19 tháng 9 năm 2026

TỜ TRÌNH TÓM TẮT
Dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị quyết số 19/2026/UBTVQH16 ngày 18/9/2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2026, Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) theo trình tự, thủ tục rút gọn như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026, các Nghị quyết số 57-NQ/TW, 66-NQ/TW, 68-NQ/TW, số 70-NQ/TW, 10-NQ/TW, 21-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng đã đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật về đấu thầu để kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực cho đầu tư phát triển, đơn giản hóa thủ tục, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế tư nhân, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đồng thời tăng cường phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong hoạt động đầu tư, mua sắm, đấu thầu.

Tại Thông báo số 213/TB-VPCP, Thông báo số 366/TB-VPCP, Văn bản số 833/TTg-QHĐP và Văn bản số 7980/VPCP-CN, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Tài chính chủ trì sửa đổi Luật Đấu thầu, trình Quốc hội khóa XVI tại Kỳ họp thứ 2.

2. Cơ sở thực tiễn

Quá trình triển khai thực hiện Luật Đấu thầu đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc như sau:

2.1 Về phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu và các Luật có liên quan

a) Quy định về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và nguyên tắc áp dụng của Luật Đấu thầu còn thiếu rõ ràng, chưa phân định rõ phạm vi áp dụng giữa Luật Đấu thầu và pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực.

b) Luật Đấu thầu và văn bản hướng dẫn còn quy định nhiều nội dung chuyên môn, kỹ thuật, dẫn đến giao thoa, khác biệt, gây lúng túng trong thực hiện và làm giảm tính ổn định của pháp luật.

c) Việc xác định phạm vi áp dụng theo từng loại nguồn vốn và từng nhóm chủ thể quản lý, sử dụng vốn còn quá chi tiết, dễ phát sinh cách hiểu khác nhau.

d) Đối với dự án đầu tư kinh doanh, chưa có cơ chế phân định rõ việc áp dụng Luật Đấu thầu hay pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực trong trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác về lựa chọn nhà đầu tư, chủ đầu tư, đối tác.

2.2 Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Luật Đấu thầu hiện hành chưa có quy định riêng về các nguyên tắc cơ bản của hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư mà chỉ quy định khái niệm “đấu thầu”, trong đó xác định nguyên tắc “cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình”, chưa làm rõ nội hàm, mục tiêu, yêu cầu và phạm vi áp dụng, dẫn đến cách hiểu, áp dụng không thống nhất.

2.3 Về các hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

- Đối với một số gói thầu đặc thù trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, chủ đầu tư chưa thể xác định đầy đủ yêu cầu kỹ thuật, giải pháp công nghệ và giá gói thầu ngay từ đầu; tuy nhiên Luật Đấu thầu chưa có cơ chế phù hợp để chủ đầu tư trao đổi, thương thảo với nhà thầu nhằm hoàn thiện các yêu cầu này, dẫn đến phải điều chỉnh hồ sơ mời thầu nhiều lần, kéo dài thời gian thực hiện gói thầu.

- Hình thức chào giá trực tuyến được áp dụng rộng rãi, tạo môi trường cạnh tranh trực tiếp về giá, rút ngắn thời gian lựa chọn và hạn chế lạm dụng chỉ định thầu nhưng chưa được quy định tại Luật Đấu thầu.

- Các hình thức lựa chọn nhà thầu đang được quy định phân tán, phức tạp, chưa bảo đảm tính thống nhất trong tổ chức thực hiện (như hình thức mua sắm trực tiếp và chỉ định thầu đều là hình thức lựa chọn trực tiếp không qua cạnh tranh; hình thức đấu thầu rộng rãi và chào hàng cạnh tranh đều dựa trên cạnh tranh, chỉ khác về mức độ đơn giản hóa quy trình, thủ tục). Việc quy định thành các hình thức độc lập làm tăng tính phức tạp, trong khi các nội dung này có thể được quy định trong quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu mà không cần thiết tách thành các hình thức lựa chọn nhà thầu riêng biệt để đơn giản hóa việc lựa chọn và tổ chức thực hiện.

2.4. Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

a) Mặc dù pháp luật về đấu thầu đã được sửa đổi theo hướng cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền và đẩy mạnh đấu thầu qua mạng nhưng quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư vẫn còn một số khâu trung gian, trùng lặp, làm tăng thời gian, chi phí tuân thủ.

b) Hình thức đấu thầu quốc tế chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng khi số lượng nhà đầu tư quốc tế quan tâm, tham dự thầu rất ít so với thời gian và chi phí của bên mời thầu phải bố trí và huy động nguồn lực khi tổ chức đấu thầu quốc tế.

Quy định nhà thầu nước ngoài phải liên danh **hoặc** sử dụng nhà thầu phụ trong nước chưa phát huy hiệu quả do nhà thầu nước ngoài có xu hướng chỉ lựa chọn sử dụng nhà thầu phụ trong nước để thực hiện các phân công việc mang tính hình thức, giá trị không lớn.

c) Thực tiễn triển khai phát sinh một số dự án có yêu cầu đẩy nhanh tiến độ, cần thực hiện sớm một số thủ tục lựa chọn nhà thầu trước khi dự án được phê duyệt nhằm chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết, rút ngắn thời gian triển khai dự án nhưng chưa được quy định cụ thể tại Luật.

d) Quy định hồ sơ mời thầu chỉ được nêu xuất xứ hàng hóa theo nhóm nước, vùng lãnh thổ mà không được nêu nhãn hiệu hoặc nhóm nhãn hiệu gây khó khăn trong xác định yêu cầu kỹ thuật đối với hàng hóa có cùng xuất xứ nhưng khác biệt về chất lượng, công nghệ, tính năng và hiệu quả sử dụng.

2.5. Về chính sách ưu tiên, ưu đãi trong đấu thầu, mua sắm hàng hoá xuất xứ trong nước

a) Theo quy định của Luật Đấu thầu, chính sách ưu đãi chủ yếu thực hiện tại bước đánh giá hồ sơ dự thầu, chưa tạo cơ sở pháp lý đủ mạnh để ưu tiên mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc các lĩnh vực Nhà nước khuyến khích như hàng hóa sản xuất trong nước, sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược, sản phẩm xanh, đổi mới sáng tạo.

b) Việc quy định cứng đối tượng và hạn mức ưu đãi tại Luật làm giảm tính linh hoạt trong điều chỉnh chính sách theo từng thời kỳ; thực tiễn cho thấy Nghị quyết số 198/2025/QH15 đã nâng hạn mức gói thầu dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa từ 05 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng.

2.6. Về hợp đồng

a) Luật Đấu thầu quy định chi tiết về nguyên tắc, hình thức, điều kiện, nội dung, trình tự, thủ tục và thực hiện hợp đồng, trong khi các nội dung này đã được điều chỉnh bởi pháp luật dân sự, xây dựng và pháp luật liên quan, dẫn đến giao thoa, trùng lặp, phát sinh vướng mắc khi áp dụng và ảnh hưởng tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

b) Theo quy định của Luật Đầu tư, sau khi lựa chọn nhà đầu tư bằng đấu thầu, đấu giá hoặc chấp thuận nhà đầu tư, nhà đầu tư thực hiện dự án theo pháp luật đầu tư. Do đó, việc Luật Đấu thầu yêu cầu ký hợp đồng đối với tất cả dự án đầu tư kinh doanh và đặt điều kiện chuyển nhượng dự án trong trường hợp đấu thầu chưa bảo đảm sự bình đẳng giữa các hình thức lựa chọn nhà đầu tư.

2.7. Về kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu, hành vi bị cấm, xử lý vi phạm và giải quyết kiến nghị

a) Một số quy định về hành vi bị cấm trong hoạt động đấu thầu chưa rõ về tiêu chí xác định, thẩm quyền, biện pháp xử lý; một số hành vi mới phát sinh trong thực

tiền cần được bổ sung, cập nhật (như dàn xếp, thỏa thuận nâng không giá gói thầu, dự toán gói thầu). Việc cấm tham gia hoạt động đấu thầu trên phạm vi toàn quốc cũng có thể hạn chế cơ hội cạnh tranh của nhà thầu, trong khi các hành vi vi phạm nghiêm trọng đã được xử lý theo pháp luật hình sự và pháp luật có liên quan.

b) Quy định về chuyển nhượng thầu còn bất cập, chưa thống nhất với pháp luật xây dựng và thực tiễn quản lý hợp đồng.

Luật Đấu thầu xác định chuyển nhượng thầu dựa trên tỷ lệ hoặc giá trị công việc giao cho nhà thầu phụ, trong khi pháp luật xây dựng quản lý nhà thầu phụ thông qua trách nhiệm của nhà thầu chính và sự chấp thuận của chủ đầu tư. Việc xác định cứng theo tỷ lệ, giá trị có thể chưa phản ánh đầy đủ bản chất kiểm soát chuyển nhượng thầu và gây khó khăn khi phạm vi công việc nhà thầu phụ thay đổi trong quá trình thực hiện hợp đồng.

c) Quy định về giám sát hoạt động đấu thầu còn chồng chéo về trách nhiệm, thẩm quyền, nội dung; cơ chế kết nối, đồng bộ dữ liệu và giám sát trên hệ thống thông tin chưa đầy đủ, hạn chế khả năng phát hiện, xử lý vi phạm kịp thời.

d) Cơ chế giải quyết kiến nghị còn bất cập, có trường hợp nhà thầu lợi dụng quyền kiến nghị làm ảnh hưởng tiến độ lựa chọn nhà thầu; trình tự giải quyết chưa phù hợp, dẫn đến trong một số trường hợp chủ đầu tư phải tạm dừng quá trình lựa chọn nhà thầu để chờ kết quả giải quyết kiến nghị của Hội đồng giải quyết kiến nghị hoặc người có thẩm quyền.

Ngoài ra, các quy định về giải thích từ ngữ, trách nhiệm của các bên trong hoạt động đấu thầu, đấu thầu trước cũng cần được rà soát để bảo đảm đồng bộ của hệ thống pháp luật, tạo thuận lợi cho thực tiễn triển khai.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về đấu thầu nhằm thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, giải pháp đã được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng, Nhà nước; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

2. Đổi mới phương thức quản lý hoạt động đấu thầu, chuyển trọng tâm từ quản lý quá trình sang quản lý chất lượng, hiệu quả và kết quả, sản phẩm đầu ra.

3. Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật; xây dựng Luật theo hướng luật khung, quy định các vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội, có tính nguyên tắc, ổn định; giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung kỹ thuật, thường xuyên biên động để bảo đảm linh hoạt, phù hợp thực tiễn.

4. Kế thừa các quy định hiện hành đã được thực tiễn kiểm nghiệm, luật hóa những vấn đề đã rõ, nội dung cần sửa đổi, bổ sung phải có quy định rõ ràng, minh bạch.

III. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Luật này điều chỉnh hoạt động lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu sử dụng vốn ngân sách nhà nước của cơ quan, tổ chức; nguồn thu hợp pháp của cơ

quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư kinh doanh mà pháp luật về đất đai, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực quy định phải thực hiện theo pháp luật về đấu thầu; quản lý nhà nước về đấu thầu và trách nhiệm của các bên có liên quan trong hoạt động đấu thầu.

b) Luật này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật hoặc không thuộc phạm vi điều chỉnh nhưng chọn áp dụng Luật.

2. Bộ cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Luật bao gồm 8 Chương và 60 Điều.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

3.1 Các quy định được sửa đổi, bổ sung nhằm bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật về đấu thầu

- Phân định cụ thể các hoạt động đấu thầu, mua sắm thực hiện theo Luật này và theo pháp luật có liên quan, trong đó không áp dụng Luật này đối với hoạt động đấu thầu, mua sắm trong các lĩnh vực/vấn đề đặc thù như dầu khí, dự trữ, đầu tư theo phương thức đối tác công tư, lựa chọn chủ đầu tư, đối tác thực hiện dự án đầu tư kinh doanh, lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản... để tránh trùng lặp, chồng chéo, xung đột trong áp dụng pháp luật (khoản 2 Điều 1).

- Áp dụng Luật này để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất mà Luật Đất đai hoặc pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có yêu cầu phải lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu để phân định rõ trường hợp đấu giá, đấu thầu.

- Xác định rõ nguyên tắc áp dụng pháp luật trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của Luật này và các luật có liên quan để đảm bảo tính khả thi đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật (Điều 3).

- Trao quyền chủ động cho chủ đầu tư trong việc quyết định hoạt động đấu thầu, mua sắm theo nguyên tắc bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả (Điều 4).

3.2. Các quy định được sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đấu thầu

- Bổ sung quy định về chính sách và nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đấu thầu, làm cơ sở xác định mục tiêu, định hướng chính sách và bảo đảm thống nhất trong tổ chức thực hiện (Điều 5).

- Áp dụng hình thức “nhà thầu quản lý” nhằm trao quyền chủ động cho nhà thầu trong quản lý, tổ chức thực hiện gói thầu nhưng phải bảo đảm trách nhiệm toàn diện về chất lượng, tiến độ, chi phí, hiệu quả; giao Chính phủ quy định các trường hợp áp dụng (Điều 6).

- Bổ sung, hoàn thiện cơ chế ưu tiên, ưu đãi trong hoạt động đấu thầu đối với sản phẩm công nghệ cao, công nghệ chiến lược, hàng hóa xuất xứ Việt Nam, sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa, người cao tuổi, các đối tượng khác theo pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực (Điều 9).

- Hoàn thiện quy định để ưu tiên tổ chức đấu thầu trong nước (Điều 10) nhằm góp phần hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực của doanh nghiệp Việt Nam theo hướng: (i) ưu tiên đấu thầu trong nước, chỉ đấu thầu quốc tế đối với dự án đầu tư kinh doanh có yêu cầu về nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ hoặc đào tạo nhân lực công nghệ cao, công nghệ mới, công nghệ chiến lược, công nghệ số cần sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài; (ii) cho phép nhà thầu trong nước được sử dụng nhà thầu phụ hoặc nhà thầu phụ đặc biệt là nhà thầu nước ngoài để thực hiện phần công việc mà nhà thầu trong nước chưa thực hiện được hoặc cần chuyển giao công nghệ; (iii) yêu cầu nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam và sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam.

- Bổ sung cơ sở dữ liệu về giá theo hướng tích hợp, đồng bộ với cơ sở dữ liệu về hải quan, thuế... để làm cơ sở tham chiếu xác định giá gói thầu, tăng minh bạch, phòng ngừa tình trạng nâng khống, làm sai lệch giá gói thầu và phục vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát (Điều 19).

- Sửa đổi quy định để cho phép hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu của hàng hóa theo nhóm nhãn hiệu nhằm bảo đảm lựa chọn được hàng hóa đáp ứng yêu cầu về chất lượng, tính năng kỹ thuật, công nghệ (Điều 29).

- Bổ sung phương thức hai túi hồ sơ đối với gói thầu xây dựng, phát triển, nâng cấp, mở rộng phần mềm nội bộ, bảo đảm lựa chọn được nhà thầu có giải pháp tối ưu, công nghệ tiên tiến, hiện đại (Điều 23).

3.3. Các quy định được sửa đổi, bổ sung nhằm đơn giản hóa quy trình, thủ tục, rút ngắn thời gian thực hiện dự án, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

- Đơn giản hóa các hình thức lựa chọn nhà thầu (Điều 20) theo hướng lược bỏ một số hình thức lựa chọn nhà thầu có quy trình thực hiện tương đồng để tích hợp vào một hình thức.

- Tiếp tục quy định tiêu chí cơ bản áp dụng hình thức chỉ định thầu, mở rộng trường hợp áp dụng đối với gói thầu thuộc dự án đầu tư công cần đẩy nhanh tiến độ; giao Chính phủ quy định thẩm quyền quyết định hạn mức áp dụng chỉ định thầu cho bộ, ngành, địa phương và quy định chi tiết trường hợp chỉ định thầu.

- Phân định rõ căn cứ, điều kiện áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo bản chất, đặc thù của gói thầu thay vì liệt kê từng lĩnh vực; chuyển gói thầu thuộc dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp từ cơ chế chỉ định thầu sang cơ chế lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

- Tiếp tục duy trì các hình thức đấu thầu hạn chế, đàm phán giá, đặt hàng, tự thực hiện và tham gia thực hiện của cộng đồng trên cơ sở phù hợp với pháp luật chuyên ngành.

- Bổ sung hình thức đàm phán cạnh tranh đối với các gói thầu mà chủ đầu tư chưa thể xác định đầy đủ yêu cầu kỹ thuật, giải pháp công nghệ hoặc giá gói thầu. và hình thức chào giá trực tuyến đối với hàng hóa, dịch vụ thông dụng, đơn giản,

quy mô nhỏ; bổ sung trường hợp đặt hàng đối với hàng hoá, dịch vụ được đặt hàng để thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế¹.

- Bổ sung nguyên tắc chủ đầu tư, người có thẩm quyền được tự quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp gói thầu, dự án đầu tư kinh doanh đáp ứng đồng thời các tiêu chí, điều kiện áp dụng nhiều hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (Điều 21, Điều 24).

- Luật tiếp tục duy trì 04 hình thức lựa chọn nhà đầu tư do các hình thức này đang đang được áp dụng ổn định và chưa phát sinh các vướng mắc, khó khăn trên thực tiễn (Điều 24).

- Mở rộng trường hợp được áp dụng thủ tục đấu thầu trước đối với gói thầu cần đẩy nhanh tiến độ của dự án nhằm rút ngắn thời gian chuẩn bị và đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án (Điều 31).

- Bổ sung khái niệm mua sắm tập trung; mở rộng phạm vi áp dụng cách thức này đối với tất cả các hình thức lựa chọn nhà thầu khi đáp ứng đầy đủ điều kiện áp dụng của từng hình thức thay vì chỉ giới hạn áp dụng một số hình thức như đàm phán giá, chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (Điều 35).

- Hoàn thiện các quy định về ký kết, thực hiện hợp đồng (các Điều từ 39 đến 45) theo hướng: (i) Chỉ quy định tại Luật này 04 nhóm nội dung liên quan đến việc ký kết, thực hiện hợp đồng; đối với những nội dung khác, các bên được quyền thỏa thuận phù hợp với pháp luật dân sự, pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; (ii) Trường hợp pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định khác về cùng một vấn đề liên quan đến việc ký kết và thực hiện hợp đồng với nhà thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực, trừ quy định về nội dung và điều kiện ký kết hợp đồng; (iii) Không bắt buộc phải ký kết hợp đồng đối với tất cả dự án đầu tư kinh doanh mà chỉ áp dụng thủ tục này đối với dự án có yêu cầu đặc thù; (iv) Chính lý quy định về loại hợp đồng, bổ sung gói thầu bảo hiểm tài sản được áp dụng loại hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm; (v) Bổ sung biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án đầu tư kinh doanh theo hình thức ký quỹ; (vi) Lược bỏ quy định về chuyển nhượng dự án đầu tư kinh doanh.

- Đơn giản hóa, lược bỏ quy định và/hoặc thủ tục trung gian, không cần thiết như thủ tục sơ tuyển, mời quan tâm, kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu, phương thức hai giai đoạn...; lược bỏ quy định cơ quan, tổ chức được tự quyết định mua sắm đối với hàng hóa, dịch vụ có giá bán do Nhà nước định giá cụ thể để quy định tại Nghị định về việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với hàng hóa, dịch vụ này.

3.4. Các quy định được sửa đổi, bổ sung nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu; xử lý vi phạm, giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu

¹ Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phân đầu tăng trưởng "2 con số" giao Đảng ủy Bộ Tài chính "Thế chế hoá đồng bộ cơ chế mua sắm công và Nhà nước đặt hàng doanh nghiệp tư nhân thực hiện các dự án, nhiệm vụ phát triển kinh tế".

- Hoàn thiện quy định về **hành vi bị cấm** trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (Điều 15) theo hướng: (i) bổ sung hành vi dàn xếp, thỏa thuận nâng khống giá gói thầu, dự toán; chia nhỏ dự án, dự toán mua sắm nhằm áp dụng hạn mức chỉ định thầu; (ii) làm rõ hành vi thông thầu, gian lận, không bảo đảm công bằng, minh bạch; (iii) chỉnh lý quy định về hành vi chuyển nhượng thầu để xác định rõ nội hàm của việc sử dụng nhà thầu phụ bất hợp pháp trên cơ sở xác định trách nhiệm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, làm rõ hành vi nhà thầu giao trách nhiệm quản lý của mình theo hợp đồng ký kết với chủ đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác...

- Sửa đổi quy định về chế tài, thẩm quyền xử lý vi phạm (Điều 54) theo hướng: (i) phân định thẩm quyền cấm tham gia đấu thầu giữa người có thẩm quyền với chủ đầu tư, bên mời thầu; (ii) lược bỏ quy định cấm tham gia đấu thầu trên phạm vi toàn quốc; (iii) bổ sung các chế tài như công khai thông tin vi phạm, đánh giá uy tín, khóa chức năng, tài khoản trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và các biện pháp xử lý khác.

- Hoàn thiện cơ chế giám sát hoạt động đấu thầu (Điều 56) theo hướng tăng cường giám sát thường xuyên dựa trên dữ liệu, thống kê, phân tích trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhằm kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm; bổ sung cơ chế giám sát theo vụ việc, bảo đảm giám sát có trọng tâm, trọng điểm, theo kết quả đầu ra.

- Hoàn thiện cơ chế giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu (Điều 57) theo hướng chỉ giải quyết kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thông qua chủ đầu tư, bên mời thầu hoặc Hội đồng giải quyết kiến nghị, không giải quyết thông qua người có thẩm quyền; thay thế cơ chế giải quyết kiến nghị hồ sơ mời thầu bằng cơ chế làm rõ, tăng cường cảnh báo, giám sát và xử lý vi phạm thông qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Hoàn thiện quy định về trách nhiệm của các bên trong hoạt động đấu thầu (Điều 46 đến Điều 51) nhằm xác định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, tổ chuyên gia...; tạo cơ sở cho việc thực hiện đúng trách nhiệm và tăng cường kiểm tra, giám sát, hậu kiểm.

3.5. Các nội dung khác

- Chỉnh lý một số khái niệm về đấu thầu, dự toán mua sắm, bên mời thầu, cơ quan có thẩm quyền, người có thẩm quyền, nhà thầu, dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, hàng hóa, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất, dự án đầu tư...; lược bỏ một số khái niệm không cần thiết.

- Bổ sung cụm từ “vật tư y tế” tại khoản 1 Điều 36 để bảo đảm phù hợp với pháp luật quản lý trang thiết bị y tế.

Ngoài ra, dự thảo Luật quy định nguyên tắc và giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung về tư cách hợp lệ, bảo đảm cạnh tranh, thông tin, chi phí, lưu trữ hồ sơ, ngôn ngữ, đồng tiền trong hoạt động đấu thầu, bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ yêu cầu, điều kiện

năng lực đối với tổ chuyên gia, tổ thẩm định, thẩm quyền ban hành danh mục mua sắm tập trung, xét duyệt trúng thầu, quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu... (các Điều 7, 8, 9, 11, 12, 13, 14, 18, 19, 30, 34, 35, 36, 37, 41, 44, 52, 53, 54, 55, 56, 57).

Trên đây là Tờ trình tóm tắt về dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi), Chính phủ kính trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, cho ý kiến hoàn thiện nội dung dự án Luật này để trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 2./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (đề b/c);
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội;
- Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Lưu VT, CN (b).

**TM. CHÍNH PHỦ
TUQ. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

(đã ký)

Ngô Văn Tuấn